

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2019/DS-PT
Ngày 12 - 9 - 2019
*V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Với thành phần xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Cảnh

Các Thẩm phán: Ông K'Tiên

Ông Nguyễn Hồng Chương

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân Anh là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:
Bà Đào Thị Óng – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2019/TL - DSPT ngày 26 tháng 7 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2019/DS-ST ngày 29-5-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắk G'long, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 66/2019/QĐXX-PT ngày 22-8-2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Y; địa chỉ: Số 744B, Q, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Trần Văn Y – Giám đốc; địa chỉ: Số 744B Q, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng – có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Hoàng Văn S- có mặt.

2.2. Bà Giàng Thị P - vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện hợp pháp cho bà Giàng Thị P: Ông Hoàng Văn S - có mặt; địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hoàng Văn Sĩ: Ông Y L – có mặt và bà Nguyễn Thị X – vắng mặt - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đ.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Giàng A P; địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

4. *Người làm chứng:* Bà Lê Thị T; địa chỉ: Số 744B, Q, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện hợp pháp của nguyên đơn (ông Trần Văn Y, ông Lê Văn Mạc T) trình bày:

Năm 2017, Doanh nghiệp Tư nhân Y (hiện nay là Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Y, gọi tắt là Công ty) tổ chức hội thảo giới thiệu sản phẩm phân bón của Công ty làm từ phân heo (phân hữu cơ vi sinh) trên địa bàn xã Đ. Sau buổi hội thảo người mua đăng ký mua thông qua người của Công ty và trưởng thôn là ông Giàng A P, giá bán là 3.900.000 đồng/tấn, Công ty cho người dân trả chậm đến ngày 25/12/2017 (dương lịch) và thanh toán tiền cho Công ty thông qua ông P, quá thời hạn trên người dân không trả phải chịu lãi 1,5%/tháng. Ông Hoàng Văn S và bà Giàng Thị P đăng ký mua 06 tấn, đã nhận phân bón nhưng chưa thanh toán tiền. Vì vậy, Công ty yêu cầu ông bà phải thanh toán cho Công ty 23.400.000 đồng tiền gốc và 4.036.000 đồng tiền lãi với mức lãi suất là 1,5%/tháng (tính từ ngày 26/12/2017 đến ngày 06/12/2018). Tổng cộng gốc và lãi là 27.436.000 đồng. Giữa Công ty và ông P có thỏa thuận miệng với nhau về việc ông P có trách nhiệm giao phân bón cho người dân, thu tiền khi đến hạn để giao cho Công ty; ông P được Công ty thanh toán 300.000 đồng/tấn bán được; ông P chưa thu được tiền nên Công ty chưa trả tiền cho ông P. Trong đơn khởi kiện Công ty yêu cầu ông P chịu trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền trên, tuy nhiên hiện nay Công ty không có yêu cầu đối với ông P.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn và là đại diện hợp pháp của bà Giàng Thị P, ông Hoàng Văn S trình bày: Ông bà thừa nhận có mua của Công ty 06 tấn phân bón, loại phân hữu cơ xử lý từ phân heo với giá là 3.900.000 đồng/tấn, đã nhận đủ 06 tấn nhưng chưa thanh toán tiền; ông bà đã sử dụng cho cây trồng 03 tấn, còn lại 03 tấn chưa sử dụng; sau khi bón phân, vườn cà phê, tiêu, mắc ca của ông bà bị chết nên ông bà chỉ đồng ý trả cho Công ty số tiền 03 tấn phân bón đã sử dụng với điều kiện Công ty phải xuống xem xét thực tế cây trồng bị chết, còn lại 3 tấn phân bón chưa sử dụng ông bà trả lại phân cho Công ty; về tiền lãi, do Công ty không đến thu tiền theo thỏa thuận nên ông bà không đồng ý trả lãi; ông P không liên quan đến 06 tấn phân bón ông bà mua, chỉ là

người dẫn nhân viên Công ty đến từng nhà để họ giao phân bón; các hộ dân trên địa bàn xã Đ đã làm đơn tố cáo tập thể đối với chất lượng phân bón của Công ty, nếu sau này chứng minh được phân bón của Công ty không đảm bảo chất lượng và gây thiệt hại thì ông bà sẽ yêu cầu bồi thường trong vụ án hình sự hoặc khởi kiện bằng vụ án khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Giàng A P trình bày: Năm 2017, Công ty tổ chức hội thảo tại hội trường thôn 5, xã Đ giới thiệu phân bón vi sinh làm từ phân heo. Sau buổi hội thảo Công ty cho người dân đăng ký mua phân bón và cam kết sẽ giao tận nhà cho họ và cho nợ tiền đến ngày 25/12/2017. Ông S và bà P trực tiếp đăng ký mua phân bón với Công ty; ông và Công ty có thỏa thuận miệng với nhau về việc ông đi cùng nhân viên của Công ty khi họ giao phân bón và khi họ thu tiền, Công ty sẽ trả tiền cho ông tiền công nhưng chưa nói số tiền cụ thể; khi giao phân bón, nhân viên của Công ty đưa cho ông mẫu đơn xin mua phân bón trả chậm kèm giấy cam kết trả nợ và yêu cầu ông ghi tên, số lượng phân bón của từng người đã nhận và cùng ký tên với người mua nên ông đã ký; sau khi giao hết phân bón, phía Công ty yêu cầu ông ký tên vào hợp đồng kèm phiếu giao nhận hàng hóa, trong đó ông S, bà P mua 06 tấn. Từ khi giao phân bón cho đến nay Công ty không đến thu tiền; ngày 27/9/2017 người của Công ty có đưa cho ông ký tên một biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ và ông đã ký; ông không có quyền lợi, hay nghĩa vụ gì đối với số lượng phân 06 tấn mà ông S và bà P đã mua. Vì vậy ông không chịu trách nhiệm thanh toán đối với số phân bón ông S và bà P đã mua của Công ty.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2019/DS-ST ngày 29-5-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắk G'long, tỉnh Đắk Nông quyết định:

Áp dụng Điều 117; Điều 398; Điều 430; Điều 440; Điều 453; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Y, buộc ông Hoàng Văn S, bà Giàng Thị P phải thanh toán cho Công ty 23.400.000 (*hai mươi ba triệu, bốn trăm nghìn*) đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty đối với 4.036.000 (*bốn triệu không trăm ba mươi sáu nghìn*) đồng tiền lãi.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11-6-2019, ông Hoàng A S kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng không buộc ông phải trả cho công ty Y số tiền 23.400.000 đồng.

Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hoàng Văn S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, miễn án phí phúc thẩm cho bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

Đơn kháng cáo của ông Hoàng Văn S làm trong hạn luật định.

Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Sau khi xem xét, phân tích các tài liệu, chứng cứ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Đơn kháng cáo của ông Hoàng Văn S làm trong hạn luật định, ông S thuộc trường hợp không phải nộp tạm ứng án phí phúc thẩm (là người đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Đ) là đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét thấy Hợp đồng mua bán phân bón giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Y (Công ty Y) với ông Hoàng Văn S và bà Giàng Thị P được lập bằng văn bản, nội dung hợp đồng đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 398, Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tại thời điểm bán phân bón, Công ty Y có quyền sở hữu đối với tài sản và không thuộc trường hợp bị cấm chuyển quyền, cấm lưu hành. Thỏa thuận giữa Công ty và ông S là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên hợp pháp, đủ điều kiện có hiệu lực theo quy định của pháp luật, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3]. Xét yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng Văn S, Hội đồng xét xử xét thấy: ông S thừa nhận gia đình ông có đăng ký mua và mua của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Y 06 tấn phân, với giá 3.900.000 đồng/tấn. Sau đó,

gia đình ông đã nhận 06 tấn phân, ông Sử cho rằng do phân bón kém chất lượng dẫn đến cây trồng bị chết nên ông không đồng ý trả tiền cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Y. Tuy nhiên, theo biên bản làm việc ngày 07-12-2016 của Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh L; phiếu kết quả thử nghiệm ngày 24-11-2016 của Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 trả lời: “*Sản phẩm phân bón nói trên có khả năng cung cấp chất dinh dưỡng cho cây trồng, hàm lượng kim loại nặng không ảnh hưởng đến môi trường*”. Tại Quyết định số 43/PC03 ngày 01-8-2019 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã quyết định không khởi tố vụ án hình sự đối với đơn tố cáo của các hộ dân thuộc xã Đ và xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông đối với Doanh nghiệp tư nhân Y có hành vi sản xuất phân bón giả, lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Vì vậy, lời trình bày của bị đơn ông Hoàng Văn S là không có căn cứ; tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông Sử cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông Hoàng Văn S và Y số tiền 23.400.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4]. Xét quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa là có căn cứ.

[5]. Từ những phân tích như trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn S, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2019/DS-ST ngày 29-5-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắk G’long về phần buộc ông Hoàng Văn S và bà Giàng Thị P phải trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Y số tiền 23.400.000 đồng.

[6]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hoàng Văn S thuộc đối tượng được miễn án phí nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[7]. Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn S, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 29-5-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông đối với khoản tiền 23.400.000 đồng mà ông S và bà P phải trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Y.

1. Áp dụng Điều 117; khoản 2 Điều 357; Điều 398; Điều 430; Điều 440; Điều 453 của Bộ luật dân sự;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Y: Buộc ông Hoàng Văn S và bà Giàng Thị P phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Y 23.400.000 đồng tiền mua phân bón.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ông Hoàng Văn S được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông;
- Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, Tổ hành chính tư pháp

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên, đóng dấu)

Phạm Văn Cảnh